|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG MN HOA PHƯỢNG  **LỚP MG 3 TUỔI C1** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Mạo Khê, ngày 27 tháng 8 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**Tên nhóm lớp: Mẫu giáo 3 tuổi C1.**

**Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 32 trẻ**

**Số giáo viên/lớp: 03 giáo viên**

**Tên giáo viên: Cao Thị Thu Thanh – Nguyễn Thị Thắm – Phạm Thị Lý**

Căn cứ Kế hoạch số 544/KH-MNHP ngày 26 tháng 08 năm 2024 của trường Mầm non Hoa Phượng về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025.

Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, đặc điểm nhận thức của trẻ, tình hình thực tế của địa phương.

Căn cứ điều kiện CSVC, năng lực của giáo viên;

Căn cứ vào kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2023 - 2024 của trẻ 3 - 4 tuổi. Lớp Mẫu giáo 3 - 4 tuổi C1 xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

**I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE** | |
| ***1. Tổ chức ăn*** | |
| **MT 1:** Trẻ được ăn theo chế độ, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. | - Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal.  *+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.  + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% -35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.  - Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). Trẻ được uống nước đun sôi để nguội (nước ấm vào mùa đông) đảm bảo vệ sinh.  - Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa; ăn đủ khẩu phần, cân đối về dưỡng chất. |
| ***2. Tổ chức ngủ*** | |
| **MT 2:** Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa đúng giấc, đủ giờ. | - Ngủ trưa đúng giấc, đủ giờ (150 phút).  - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết và an toàn trong khi ngủ cho trẻ. |
| ***3. Vệ sinh*** | |
| **MT 3:** Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường ở lớp. | - Vệ sinh cá nhân đúng cách:  + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động...  + Rửa mặt  + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Vệ sinh môi trường:  + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.  + Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải. |
| ***4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn*** | |
| **MT 4:** Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì  + Trẻ trai: Cân nặng: 14,3 – 21,1kg  Chiều cao: 96,1 – 103,3cm  + Trẻ gái: Cân nặng: 13,9 – 21,4kg  Chiều cao: 95,1 – 102,7cm | - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 02 lần/năm ( tháng 9 và tháng 3).  - Cân đo cho trẻ theo quy định: 3 tháng 1 lần, đo 3 tháng 1 lần.  - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, béo phì, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi.  - Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi và béo phì. |
| **MT 5:** Trẻ đượcphòng tránh các dịch bệnh thường gặp theo mùa xảy ra tại trường/lớp. Theo dõi tiêm chủng. | - Có các biện pháp vệ sinh phòng các loại bệnh dịch theo mùa.  - Theo dõi các mốc thời gian uống/tiêm chủng phù hợp với từng giai đoạn tuổi. |
| **MT 6:** Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. | - Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, phòng tránh các tai nạn thường gặp như: Đuối nước; sặc nước; chấn thương, ngạt khi ngủ; hóc nghẹn, dị ứng thức ăn; điện giật... |
| **B. GIÁO DỤC** | |
| **I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| ***1. Phát triển vận động*** | |
| ***Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp*** | |
| **MT 7:** Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.  + Co và duỗi, bắt chéo 2 tay trước ngực.  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Bước lên phía trước, bước sang ngang  + Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ  + Co duỗi chân.  *- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.* |
| ***Thể hiện kỹ năng VĐCB và phát triển các tố chất trong vận động*** | |
| **MT 8:** Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi. | - Đi kiễng gót liên tục 3m.  - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)  *- Đi trong đường díc dắc.* |
| **MT 9:** Trẻ kiểm soát được vận động đi/ chạy. | - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc  (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. |
| **MT 10:** Trẻ thực hiện được vận động bò, trườn, trèo.  **MT 10.1:** Trẻ thực hiện được  vận động bò | - Bò theo hướng thẳng.  - Bò theo đường dích dắc.  - Bò chui qua cổng.  - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. |
| **MT 10.2:** Trẻ thực hiện được vận động trườn, trèo. | - Trườn theo hướng thẳng.  - Trườn theo đường dích dắc.  - Bước lên, xuống bục cao 30 cm. |
| **MT 11:** Trẻ phối hợp tay – mắt trong vận động. | - Ném xa bằng 1 tay.  - Ném trúng đích bằng 1 tay.  - Chuyền, bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.  - Tung bắt bóng cùng cô: Bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).  - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).  - *QTE: Mọi trẻ trai, gái đều được tạo cơ hội như nhau khi tập luyện và tham gia vào các hoạt động thể chất.* |
| **MT 12:** Trẻ biết thực hiện vận động Bật – nhảy. | - Bật tại chỗ.  - Bật về phía trước.  - Bật xa 20-25cm. |
| **MT 13:** Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp. | - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.  - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)  - Bò trong đường hẹp (3 x 0,4m) không chệch ra ngoài.  - *Đảm bảo môi trường an toàn trong quá trình trẻ tập.* |
| ***Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay,***  ***phối hợp tay- mắt*** | |
| **MT 14:** Trẻ thực hiện được các cử động bàn tay, ngón tay. | - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.  - Xoay tròn cổ tay. |
| **MT 15:** Trẻ biết phối hợp tay, mắt và sử dụng một số hoạt động. | - Đan, tết.  - Xé, dán giấy.  - Sử dụng kéo, bút màu.  - Tô vẽ nguệch, ngoạc.  - Xếp chồng các hình khối (8 – 10 khối) không đổ.  - Vẽ được hình tròn theo mẫu.  - Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm.  - Tự cài, cởi cúc. |
| ***2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | |
| ***Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe*** | |
| **MT 16:** Trẻ biết tên một số thực phậm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh. | - Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...  - Tên một số món ăn hàng ngày.  *- Một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương.*  - Áp dụng phương pháp Montessori với hoạt động: bóc trứng, làm bánh phở cuốn... |
| **MT 17:** Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, cah rau... | - Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. |
| **MT 18:** Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | - Chấp nhận ăn phối hợp, đầy đủ 4 nhóm thực phẩm: chất đạm, chất bột đường, chất béo, vitamin và muối khoáng.  - Tránh và không ăn các loại thức ăn không đảm bảo vệ sinh (thức ăn có mùi, thức ăn đã rơi vãi…), các loại quả xanh. Không uống nước chưa đun sôi. Không nên ăn nhiều các loại bánh kẹo ngọt, đặc biệt là vào buổi tối.  - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
| ***Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt*** | |
| **MT 19:** Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. | - Làm quen cách súc miệng, đánh răng, lau mặt.  - Tập rửa tay bằng xà phòng.  - Tháo tất, cởi quần, áo…  - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. |
| **MT 20:** Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách | - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. |
| ***Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe*** | |
| **MT 21:** Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. | - Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát...  - Không nói chuyện, cười đùa trong khi đang ăn, uống.  - Nhặt thức ăn rơi, vãi và bỏ thức ăn ra đĩa.  - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn. |
| **MT 22:** Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. | - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.  - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.  - Nhận biết trang phục theo thời tiết.  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.  - Biết nói với người lớn khi bị đau hay chảy máu. |
| ***Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh*** | |
| **MT 23:** Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở. | - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: bàn là, bếp đang nấu, phích nước nóng....  - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: cháy, nổ...  + Nhận biết một số trường hợp nguy hiểm, khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (cháy, các bạn/người rơi xuống nước, ngã, chảy máu, bị đau, …) |
| **MT 24:** Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm | - Một số hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn đến tính mạng như hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi… |
| **MT 25:** Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. | - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt…  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can.  - Không nghịch các vật sắc nhọn.  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. |
| **MT 26:** Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: cháy, rơi xuống nước, ngã, chảy máu, bị người lạ bắt… |
| **II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| ***1. Khám phá khoa học*** | |
| ***Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng*** | |
| **MT 27:** Trẻ biết được các bộ phận của cơ thể con người. | - Tên gọi, chức năng của các giác quan (thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác) và một số bộ phận khác của cơ thể (đầu, tay, chân).  *- QTE: Trẻ trai/ gái dù khác nhau về ngoại hình, tính cách nhưng đều được đối xử công bằng*  *+ Dù là trẻ trai/gái đều được bảo vệ vùng riêng tư, không được cho người lạ xâm phạm.* |
| **MT 28:** Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng của đồ dùng, đồ chơi. | - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.  - *QTE: Trẻ trai/gái đều được sử dụng, chơi với tất cả các loại đồ chơi trong lớp học.* |
| **MT 29:** Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. *Trẻ biết một số quy định an toàn giao thông gần gũi và dịch vụ gắn liền với giao thông.* | - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.  *- Trẻ nhận biết một số quy định giao thông.*  *- Trẻ biết một số biển báo, luật lệ an toàn giao thông gần gũi trong cuộc sồng hàng ngày.*  *- Dịch vụ giao thông gần gũi với trẻ*  - Áp dụng phương pháp Stem, 5E để khám phá một số loại PTGT gần gũi với trẻ. |
| **MT 30:** Sử dụng các giác quan để xem xét. Tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đối tượng, |  |
| **MT 30.1:** Trẻ biết đặc điểm và ích lợi của một số con vật quen thuộc xung quanh trẻ. | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi, tác hại của một số con vật quen thuộc.  - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng.  - Áp dụng phương pháp Stem, 5E khám phá một số con vật gần gũi với trẻ. |
| **MT 30.2:** Trẻ biết đặc điểm nổi bật và lợi ích của một số loại cây xanh, hoa, quả quen thuộc đối với trẻ. | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây xanh, hoa, quả đối với đời sống con người.  - Mối liên hệ đơn giản giữa cây xanh với môi trường sống của chúng.  *-* Áp dụng phương pháp Stem, 5E khám phá một số cây xanh, hoa, quả gần gũi với trẻ. |
| **MT 31:** Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa các con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. | - Khả năng hợp tác và làm việc nhóm giúp trẻ tìm ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường quen thuộc. |
| **MT 32:** Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. | - Chăm sóc và bảo vệ một số con vật gần gũi với trẻ đúng cách.  - Bảo vệ và chăm sóc cây xanh đúng cách. |
| **MT 33:**Trẻ nhận biết về thời tiết. | - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. |
| **MT 34:** Trẻ nhận biết tên gọi, dấu hiệu của các mùa trong năm. | - Tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông. |
| **MT 35:** Trẻ biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. | - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. (mặt trăng, mặt trời) |
| **MT 36:** Trẻ biết đặc điểm của nước,ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.  - Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật, cây. |
| **MT 37:** Trẻ nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. | - Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ánh sáng đèn điện, ánh sáng nến,... |
| **MT 38:** Trẻ biết đặc điểm nổi bật của đất, đá, cát, sỏi. | - Một vài đặc điểm, tính chất nổi bật của đất, đá, cát, sỏi...  *-* Áp dụng phương pháp STEAM cho trẻ trải nghiệm để tìm ra một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. |
| **MT 39:** Trẻ làm một số thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. | - Các thử nghiệm: Vật chìm – vật nổi; Vì sao ngọn nến tắt? Cây cần gì để lớn lên và phát triển?… |
| **MT 40:** Trẻ biếtthu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo. | - Xem sách, tranh ành và trò chuyện về đối tượng. |
| **MT 41:** Trẻ biếtphân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | - Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. |
| ***Nhận biết mối liên hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản*** | |
| **MT 42:** Trẻ biết một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | - Một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. |
| ***Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau*** | |
| **MT 43:** Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | - Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. |
| **MT 44:** Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... |
| ***2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** | |
| ***Nhận biết số đếm, số lượng*** | |
| **MT 45:** Trẻ biết đếm trên đối tượng phạm vi 5 và đếm theo khả năng. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.  - Đếm theo khả năng. |
| **MT 46:** Trẻ biết được 1 và nhiều. | - 1 và nhiều. |
| **MT 47:** Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. |
| **MT 48:** Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. | - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. |
| ***Xếp tương ứng*** | |
| **MT 49:** Trẻ biết xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. | - Xếp tương ứng 1-1.  - Ghép đôi. |
| ***So sánh, sắp xếp theo quy tắc*** | |
| **MT 50**: Trẻ biết xếp xen kẽ | - Xếp xen kẽ. |
| **MT 51:** Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản ( theo mẫu) và sao chép lại. |
| **MT 52:** Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước. | **- S**o sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.  - So sánh đồ dùng đồ chơi, đồ chơi trong lớp. |
| ***Nhận biết hình dạng*** | |
| **MT 53:** Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình trong thực tế: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. | - Nhận biết, tên gọi các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng hình đó trong thực tế.  - *Sử dụng các hình học để chắp ghép.*  - Áp dụng mô hình giáo dục David Kolb. |
| ***Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian*** | |
| **MT 54:** Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | - Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phảỉ – tay trái của bản thân.  - Chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. |
| ***3. Khám phá xã hội*** | |
| ***Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng*** | |
| **MT 55:** Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được trò chuyện. | - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. |
| **MT 56:** Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. | - Tên của bố, mẹ, và các thành viên trong gia đình.  - Công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.  - QTE: *Có bổn phận tôn trọng, thương yêu người thân trong gia đình, biết làm các công việc vừa sức.* |
| **MT 57:** Trẻ biết địa chỉ gia đình. | - Địa chỉ gia đình khi được hỏi và trò chuyện, xem ảnh về gia đình. |
| **MT 58:** Trẻ biết tên trường/lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. | - Tên lớp mẫu giáo, tên trường, tên và công việc của cô giáo. |
| **MT 59:** Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. |
| ***Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương*** | |
| **MT 60:** Trẻ biết tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số phổ biến.*Trẻ biết nghề truyền thống ở địa phương mình.* | - Kể tên và nói được sản phẩm và ích lợi của của một số nghề phổ biến (nghề nông, xây dựng, công an, bác sĩ...) khi được hỏi, xem tranh.  - *Tên gọi, đặc điểm nổi bật, sản phẩm và lợi ích của nghề truyền thống địa phương (nghề gốm sứ, thợ mỏ)* |
| ***Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh*** | |
| **MT 61:** Trẻ biết tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm. | - Kể tên một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu, tết Nguyên đán… qua trò chuyện, tranh ảnh. |
| **MT 62:** Trẻ biết cờ Tổ quốc, tên một vài danh, lam thắng cảnh ở địa phương. | - Cờ Tổ quốc, tên của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. |
| **III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| ***1. Nghe hiểu lời nói*** | |
| **MT 63:** Trẻ nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. | - Hiểu, thực hiện được những yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. |
| **MT 64:** Trẻ hiểu nghía từ khái quát gần gũi. | - Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… |
| **MT 65:** Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại. | - Hiểu và làm theo các yêu cầu đơn giản.  - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.  *- Hiểu và làm theo mẫu câu: Câu chào hỏi, tạm biệt, ( Hello, Goodye).* |
| ***2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày*** | |
| **MT 66:** Trẻ biết nói rõ các tiếng. | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.  - Nói rõ ràng. |
| **MT 67:** Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | - Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động. |
| **MT 68:** Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu mở rộng. | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.  - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.  - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”… |
| **MT 69:** Trẻ biết kể lại được sự việc. | - Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim….  - Mô tả sự việc tranh ảnh có sự giúp đỡ.  - Kể lại sự việc. |
| **MT 70:** Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| **MT 71:** Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của người lớn. | - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.  - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của người lớn. |
| **MT 72:** Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | - Nghe sử dụng các từ biểu cảm.  - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. |
| **MT 73:** Trẻ nghe, sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép bằng tiếng Việt và *tiếng Anh đơn giản.* | - Sử dụng được các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”… trong giao tiếp.  *- Sử dụng 1 số từ tiếng Anh đơn giản như Hello (xin chào), GoodBye (tạm biệt), Thank you (cảm ơn)...* |
| **MT 74:** Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí. | - Nói đủ nghe, không nói lí nhí.  - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| ***3. Làm quen với việc đọc – viết*** | |
| **MT 75:** Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ, …). |
| **MT 76:** Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. *Trẻ có thể nhận dạng và phát âm một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt.* | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.  - *Nhận dạng và phát âm qua các trò chơi*. |
| **MT 77:** Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.  - Giữ gìn sách. |
| **MT 78:** Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc. | - Cầm bút, sáp màu, phấn vẽ, “viết” nguệch ngoạc trên giấy, bảng, sân trường… |
| **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI** | |
| ***1. Phát triển tình cảm*** | |
| ***Thể hiện ý thức về bản thân*** | |
| **MT 79:** Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | - Tên, tuổi, giới tính.  - Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân. |
| **MT 80:** Trẻ nói được điều bé thích, không thích. | - Sở thích của bản thân.  - Khả năng của bản thân.  - QTE: *Bạn trai/bạn gái dù có sở thích khác nhau đều được tôn trọng.* |
| ***Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực*** | |
| **MT 81:** Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | - Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi, … cùng bạn  - Trả lời câu hỏi của cô giáo. |
| **MT 82:** Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…). | - Chấp nhận sự phân công của người lớn.  - Trực nhật, xếp đồ chơi, chia giấy vẽ, giúp cô chuẩn bị giờ học, giờ ăn, giờ ngủ. |
| ***Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người,***  ***sự vật hiện tượng xung quanh*** | |
| **MT 83:** Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | - Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua trò chơi, hát, vận động. |
| **MT 84:** Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | - Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. |
| **MT 85:** Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.  - Kính yêu Bác Hồ. |
| **MT 86:** Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. |
| **MT 87:** Trẻquan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | - Yêu thích, quan tâm, đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| ***2. Phát triển kỹ năng xã hội*** | |
| ***Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội*** | |
| **MT 88:** Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình. | - Một số quy định ở lớp và gia đình (Sau khi chơi xếp cất đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ, cô giáo. |
| **MT 89:** Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột. | - Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột.  - *QTE: Tất cả trẻ em đều có quyền được yêu thương.*  *+ Trẻ có bổn phận yêu thương, kính trọng mọi người trong gia đình.* |
| **MT 90:** Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở… | - Có cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).  - Nhận biết hành vi: “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”. |
| **MT 91:** Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. | - Lắng nghe ý kiến của người khác. |
| **MT 92:** Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Chơi hòa thuận với bạn.  - Chờ đến lượt. |
| ***Quan tâm đến môi trường*** | |
| **MT 93:** Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây xanh. | - Quan tâm đến vẻ đẹp xung quanh.  - Thích chăm sóc cây: tưới cây, nhổ cỏ, bắt sâu... |
| **MT 94:** Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật gần gũi xung quanh trẻ | - Cách cho một số con vật ăn.  - Không trêu chọc các con vật. |
| **MT 95:** Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường: không vứt rác bừa bãi. |
| **MT 96:** Trẻ biết tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. | - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài. |
| **V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ** | |
| ***1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật*** | |
| **MT 97:** Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| **MT 98:** Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể chuyện. | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau.  - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn,..., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè.  - Có thể hát được vài bài đơn giản kết hợp với vỗ tay, lắc xúc xắc, làm được một số động tác minh họa theo bài hát bản nhạc.  *- Hát theo được một số bài hát Tiếng Anh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi* |
| **MT 99:** Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc | - Nghe và cảm nhận những bài hát, bản nhạc có giai điệu vui tươi ngộ nghĩnh, tình cảm thiết tha phù hợp với nội dung của chủ đề.  *- Nghe các bản nhạc nước ngoài.* |
| **MT 100:** Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | - Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình. |
| ***2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình*** | |
| **MT 101:** Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên. |
| **MT 102:** Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. |
| **MT 103:** Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. |
| **MT 104:** Trẻ biết cách cầm bút đúng cách khi tô, vẽ | - Làm quen với một số cách vẽ đơn giản, sử dụng bút lông, bút dạ để bôi để vẽ nét nguệch ngoạc trên giấy.  - Sử dụng 3 đầu ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa) để cầm bút. |
| **MT 105:** Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành bức tranh đơn giản. | - Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT 106**: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | - Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT 107:** Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối. | - Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT 108:** Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | - Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. |
| **MT 109:** Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình. | - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình của bạn |
| ***3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật***  ***(âm nhạc, tạo hình)*** | |
| **MT 110:** Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. |
| **MT 111:** Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.  - Biết giữ gìn sản phẩm. |
| **MT 112:** Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình | - Đặt tên cho sản phẩm của mình |

**C.** **KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM:**

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2024. Giáo viên lớp Mẫu giáo 3 - 4 tuổi C1 linh hoạt, mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. Trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam, dạy trẻ làm quen với biểu tượng toán theo hình thức tiếp cận đa văn hóa, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kĩ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo khối lớp, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc – giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”

Tích hợp nội dung giáo dục “Quyền trẻ em” vào trong các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch và lựa chọn các hoạt động ngày lễ hội, các hoạt động trải nghiệm để đảm bảo cơ hội tham gia của tất cả trẻ, bao gồm cả những trẻ không có năng khiếu, không nổi trội, để đảm bảo mọi trẻ đều được tham gia các buổi biểu diễn, các hoạt động vui chơi, lễ hội của trường/ lớp.

Ngoài ra còn thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở các khối lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của lớp, của trường một cách phù hợp.

Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. Khi có dịch bệnh xảy ra chủ động điều chỉnh kế hoạch xây dựng video hướng dẫn phụ huynh chăm sóc- giáo dục trẻ tại nhà.

Xây dựng kế hoạch dự kiến về trang bị, mua sắm, bổ sung, thay thế,…đồ dùng, đồ chơi, học liệu,…theo các chủ đề trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Chủ đề** | **Số tuần** | **Sự kiên** | **Thời gian thực hiện** | | 1 | Trường học hạnh phúc | 4 | Tết Trung thu (15/8 - AL) | Từ ngày 05/9/2024 -04/10/2024 | | 2 | Bản thân | 3 | Ngày PNVN (20/10) | Từ ngày 07/10/2024 – 25/10/2024 | | 3 | Gia đình yêu thương | 4 |  | Từ ngày 28/10/2024 - 22/11/2024 | | 4 | Bé thích làm nghề gì? | 4 | Ngày NGVN 20/11 | Từ ngày 25/11/2024 - 20/12/2024 | | 5 | Động vật quanh Bé | 4 |  | Từ ngày 23/12/2024 - 17/01/2025 | | 6 | Tết và mùa xuân | 2 |  | Từ ngày 20/01/2025 - 14/02/2025 | | **NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 27/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 08/02/2025** | | | | | | 7 | Thực vật quanh Bé | 3 | Ngày QTPN 8/3 | Từ ngày 17/02/2025 - 07/3/2025 | | 8 | Một số phương tiện và quy định giao thông | 4 |  | Từ ngày 10/3/2025 - 04/4/2025 | | 9 | Thiên nhiên diệu kỳ | 4 | Ngày giỗ tổ Hùng Vương; Ngày thống nhất đất nước và QTLĐ | Từ ngày 08/4/2025 - 02/5/2025 | | 10 | Quê hương – Đất nước – Bác Hồ | 3 | Kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ kính yêu (19/5) | Từ ngày 05/5/2025 - 23/5/2025 | | **TỔNG** | | **35 TUẦN** | **10 CHỦ ĐỀ** | |   **DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Tuần** | **Sự kiện** | **Thời gian thực hiện** | | 1 | **Trường học hạnh phúc** | Trường học Hoa Phượng của bé | 1 |  | Từ ngày 05/09/2024 - 13/09/2024 | | Bé vui hội trăng rằm | 2 | Tết Trung thu (15/8 - AL) | Từ ngày 16/09/2024 - 20/09/2024 | | Lớp học và những người bạn | 3 |  | Từ ngày 23/09/2024 - 27/09/2024 | | Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé | 4 |  | Từ ngày 30/09/2024 - 04/10/2024 | | 2 | **Bản thân** | Bé là ai? | 5 |  | Từ ngày 07/10/2024 – 11/10/2024 | | Bé khác bạn thế nào? | 6 | Ngày PNVN (20/10) | Từ ngày 14/10/2024 – 18/10/2024 | | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | 7 |  | Từ ngày 21/10/2024 – 25/10/2024 | | 3 | **Gia đình yêu thương** | Gia đình là số 1 | 8 |  | Từ ngày 28/10/2024 - 01/11/2024 | | Ngôi nhà thân yêu | 9 |  | Từ ngày 04/11/2024 - 08/11/2024 | | Những đồ dùng bé nên tránh | 10 |  | Từ ngày 11/11/2024 - 15/11/2024 | | Bông hoa mừng cô | 11 | Ngày NGVN 20/11 | Từ ngày 18/11/2024 - 22/11/2024 | | 4 | **Bé thích làm nghề gì?** | Nghề phổ biến quen thuộc | 12 |  | Từ ngày 25/11/2024 - 29/11/2024 | | Nghề sản xuất | 13 |  | Từ ngày 02/12/2024 - 06/12/2024 | | Nghề dịch vụ | 14 |  | Từ ngày 09/12/2024 - 13/12/2024 | | Nghề truyền thống của địa phương | 15 |  | Từ ngày 16/12/2024 - 20/12/2024 | | 5 | **Động vật quanh Bé** | Thú cưng của bé | 16 |  | Từ ngày 23/12/2024 - 27/12/2024 | | Thám hiểm thủy cung | 17 |  | Từ ngày 30/12/2024 - 03/01/2025 | | Tìm hiểu về loài chim | 18 |  | Từ ngày 06/01/2025 - 10/01/2025 | | Tìm hiểu về côn trùng | 19 |  | Từ ngày 13/01/2025 - 17/01/2025 | | 6 | **Tết và mùa xuân** | Xuân gắn kết – tết yêu thương | 20 |  | Từ ngày 20/01/2025 - 24/01/2025 | | **NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 27/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 08/02/2025** | | | | | | | |  |  | Lễ hội mùa xuân | 21 |  | Từ ngày 10/02/2025 -14/02/2025 | | 7 | **Thực vật quanh Bé** | Cây xanh và môi trường sống | 22 |  | Từ ngày 17/02/2025 - 21/02/2025 | | Hoa đẹp quanh bé | 23 |  | Từ ngày 24/02/2025 - 28/02/2025 | | Rau – củ - quả | 24 | Ngày QTPN 8/3 | Từ ngày 03/02/2025 - 07/2/2025 | | 8 | **Một số phương tiện và quy định giao thông** | PTGT nào chạy được dưới nước? | 25 |  | Từ ngày 10/03/2025 - 14/03/2025 | | PTGT nào đi trên đường bộ? | 26 |  | Từ ngày 17/03/2025 - 21/03/2025 | | Bé biết gì về máy bay? | 27 |  | Từ ngày 24/03/2025 - 28/03/2025 | | Bé đi tàu hỏa | 28 |  | Từ ngày 31/03/2025 - 04/04/2025 | | 9 | **Nước và một số hiện tượng tự nhiên** | Một số hiện tượng tự nhiên | 29 | Ngày giỗ tổ Hùng Vương; | Từ ngày 07/4/2025 - 11/4/2025 | | Sự kỳ diệu của nước | 30 |  | Từ ngày 04/4/2025 - 18/4/2025 | | Ngày và đêm | 31 |  | Từ ngày 21/4/2025 - 25/4/2025 | | Mùa hè vui | 32 | Ngày thống nhất đất nước và QTLĐ | Từ ngày 28/4/2025 - 02/5/2025 | | 10 | **Quê hương – Đất nước – Bác Hồ** | Quê Hương Đông Triều thân yêu | 33 |  | Từ ngày 05/5/2025 - 09/5/2025 | | Việt Nam đất nước diệu kỳ | 34 |  | Từ ngày 12/5/2025 - 16/5/2025 | | Ai yêu Bác HCM hơn TNNĐ | 35 | Kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ kính yêu (19/5) | Từ ngày 19/5/2025 - 23/5/2025 | | **TỔNG** | |  | **35 TUẦN** | **10 CHỦ ĐỀ** | |   **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH (Có phụ lục kèm theo)**  Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024-2025 của lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi C1.**/.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**    **Nguyễn Thị Mai Phương** | **XÁC NHẬN TỔ CM**  **TTCM**  **Nguyễn Thị Thắm** | **GIÁO VIÊN**  **THỰC HIỆN KH**    **Cao Thị Thu Thanh**  **Nguyễn Thị Thắm** | |  |  |

**Phạm Thị Lý**